

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định thu các khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực
Văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật Phí và Lệ Phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIII - Kỳ họp thứ 4" Về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Phí và lệ phí";

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5172/TTr-STC ngày 21/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định thu các khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

- Phí thăm quan danh lam thắng cảnh (đối với công trình thuộc địa phương quản lý) tại Phụ lục I kèm theo.

- Phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng (đối với công trình thuộc địa phương quản lý) tại Phụ lục II kèm theo;

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp tại Phụ lục III kèm theo;

- Phí thư viện tại Phụ lục IV kèm theo;

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Đơn vị thu các loại phí có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai mức thu phí, lệ phí tại các điểm thu phí; Tổ chức thu, quản lý và sử dụng tiền thu phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 và thay thế các Quyết định số 3366/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 “Về việc quy định thu Phí tham quan danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long”; Quyết định số 3370/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 “Về việc quy định thu phí tham quan một số danh lam di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”; Quyết định số 3371/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 “Về việc quy định thu Phí tham quan công trình văn hóa tại cụm thông tin cổ động biên giới Sa Vỹ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái”; Quyết định số 2096/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 “Về việc quy định thu phí Thư viện tỉnh và phí tham quan Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh” và Quyết định số 3361/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 “Về việc quy định thu phí thư viện các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh” của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa thể thao, Giám đốc Sở Du lịch, Trưởng ban Quản lý Vịnh Hạ Long, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./✓

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Trung tâm thông tin;
- V0, V1-5, TM;
- Lưu: VT, TM4.

30 bản, QĐ 361-4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC I:**Quy định thu Phí thăm quan danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long***(Kèm theo Quyết định số 4278/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh)***I. Mức thu:****1. Từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/03/2017:**


TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức phí	Ghi chú
A	VỊNH HẠ LONG			
1	Tham quan chung Vịnh Hạ Long	đồng/lượt/người	120.000	Thời gian tham quan từ 06h30'-18h30' (dưới 12 giờ)
2	Tham quan tại các điểm trên Vịnh Hạ Long	đồng/lượt/người		
-	Thiên Cung	đồng/lượt/người	50.000	
-	Đầu Gỗ	đồng/lượt/người	50.000	
-	Hang Sừng Sốt	đồng/lượt/người	50.000	
-	Bãi Tắm Ti Tốp	đồng/lượt/người	50.000	
-	Động Mê Cung	đồng/lượt/người	50.000	
-	Trung tâm Văn hóa nổi Cửa Vạn	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hang Ba Hang	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hang Luồn	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hang Tiên Ông	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hang Cỏ	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hang Thầy	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hang Cạp La	đồng/lượt/người	30.000	
-	Đảo Soi Sim	đồng/lượt/người	50.000	
-	Làng chài Vông Viêng	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hang Trống	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hang Trinh Nữ	đồng/lượt/người	30.000	
-	Hồ Động Tiên	đồng/lượt/người	30.000	
-	Động Tam Cung	đồng/lượt/người	30.000	
-	Đảo Bái Đông	đồng/lượt/người	30.000	
3	Tham quan tại khu vực lưu trú nghỉ đêm trên Vịnh			
-	Thời gian lưu trú 01 đêm	đồng/người	200.000	Thời gian 24 tiếng kể từ thời điểm



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức phí	Ghi chú
				xuất bến
-	Thời gian lưu trú 02 đêm	đồng/người	350.000	Thời gian 48 tiếng kể từ thời điểm xuất bến
-	Thời gian lưu trú 03 đêm	đồng/người	400.000	Thời gian 72 tiếng kể từ thời điểm xuất bến
B	VỊNH BÁI TỬ LONG			
1	Tham quan chung Vịnh Bái Tử Long	đồng/lượt/người	80.000	Thời gian tham quan từ 06h30' - 8h30' (dưới 12 giờ)
2	Tham quan tại khu vực lưu trú nghỉ đêm trên Vịnh			
-	Thời gian lưu trú 01 đêm	đồng/người	150.000	Thời gian 24 tiếng kể từ thời điểm xuất bến
-	Thời gian lưu trú 02 đêm	đồng/người	300.000	Thời gian 48 tiếng kể từ thời điểm xuất bến
-	Thời gian lưu trú 03 đêm	đồng/người	350.000	Thời gian 72 tiếng kể từ thời điểm xuất bến

2. Từ ngày 01/4/2017:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức Thu
1	Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long		
<i>1.1</i>	<i>Thăm quan ban ngày (từ 06h30 đến 18h30)</i>		
-	Tuyến 1: Cảng tàu - Công viên Vạn Cảnh (Thiên Cung, Đầu Gỗ, Hòn Chó Đá, Hang Ba Hang, Hòn Đình Hương, Hòn Trống Mái - Gà chọi)	đồng/lần/người	250.000
-	Tuyến 2: Cảng tàu - Công viên các hang động (Bãi tắm Soi sim, Ti Tốp, Hang Sừng Sốt, động Mê Cung, hang Bò Nâu, hang Luồn, hang Trống, hang Trinh Nữ, hồ Động Tiên)	đồng/lần/người	250.000



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức Thu
-	Tuyến 3: Cảng tàu – Trung tâm bảo tồn văn hóa biển (Trung tâm văn hóa nổi Cửa Vạn, hang Tiên Ông, Hồ Ba Hầm, Đền Bà Men, Áng Dù)	đồng/lần/người	200.000
-	Tuyến 4: Cảng Tàu – Trung tâm Giải trí biển (Hang Cò, Hang Thầy, Cống Đò, hang Cạp La, Vông Viêng, Khu sinh thái Tùng Áng- Cống Đò, công viên Hòn Xếp)	đồng/lần/người	200.000
-	Tuyến 5: Cảng Tàu – bến Gia Luận (Cát Bà – Hải Phòng) (Thiên Cung, Dầu Gỗ, Hòn Chó Đá, Hang Ba Hang, Hòn Đình Hương, Hòn Trống Mái -Gà chọi)	đồng/lần/người	250.000
1.2	<i>Thăm quan lưu trú nghỉ đêm trên Vịnh (Thời gian lưu trú 01 đêm là 24 tiếng kể từ thời điểm xuất bến, thời gian lưu trú 02 đêm là 48 tiếng kể từ thời điểm xuất bến)</i>		
-	Thăm quan tuyến 2 và lưu trú 01 đêm (Thăm quan điểm lưu trú nghỉ đêm hang Trống, Trinh Nữ; Hồ Động Tiên; Hòn Lát 690; Ti Tốp 587)	đồng/người	550.000
-	Thăm quan tuyến 2 và lưu trú 02 đêm: (Thăm quan điểm lưu trú nghỉ đêm hang Trống,, Trinh Nữ; Hồ Động Tiên; Hòn Lát 690; Ti Tốp 587)	đồng/người	750.000
-	Thăm quan tuyến 3 và lưu trú 01 đêm (Tham quan điểm lưu trú nghỉ đêm khu vực hang Tiên Ông)	đồng/người	500.000
-	Thăm quan tuyến 3 và lưu trú 02 đêm (Tham quan điểm lưu trú nghỉ đêm khu vực hang Tiên Ông)	đồng/người	650.000
-	Thăm quan tuyến 4 và lưu trú 01 đêm (Tham quan điểm lưu trú nghỉ đêm Cống Đò)	đồng/người	500.000
-	Thăm quan tuyến 4 và lưu trú 02 đêm (Tham quan điểm lưu trú nghỉ đêm Cống Đò)	đồng/người	650.000

II. Tỷ lệ trích để lại cho đơn vị thu phí

Ban Quản lý vịnh Hạ Long được trích để lại 18% tổng số tiền phí thu được, 82% nộp Ngân sách nhà nước theo quy định.

PHỤ LỤC II

Quy định thu Phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng.

(Kèm theo Quyết định số 4278/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh)

I. Mức thu:

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức Thu
1	Bảo tàng tỉnh		
-	Đối với người lớn	đồng/lần/người	30.000
-	Học sinh, sinh viên, học viên	đồng/lần/người	15.000
-	Đối với trẻ em	đồng/lần/người	10.000
2	Các công trình văn hóa tại cụm thông tin động biên giới Sa Vỹ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái		
-	Đối với người lớn (từ 16 tuổi trở lên)	đồng/lần/người	20.000
-	Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	đồng/lần/người	10.000

Ghi chú: Học sinh, sinh viên, học viên là người có thể học sinh, sinh viên, học viên do các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam cấp

II. Tỷ lệ trích để lại cho đơn vị thu phí:

STT	Đơn vị thu phí	Tỷ lệ trích để lại
1	Bảo Tàng tỉnh	100%
2	Công ty TNHH Trí Lực	100%

PHỤ LỤC III
**Quy định thu Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh
 hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp**
(Kèm theo Quyết định số 4278/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh)



I. Mức thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp:		
-	Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	đồng/lần thẩm định	3.000.000
-	Thẩm định để cấp lại, bổ sung hoạt động kinh doanh thể thao	đồng/lần thẩm định	2.000.000
-	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hoạt động thể thao do mất, hỏng	đồng/lần cấp lại	200.000
2	Đối với cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao, tổ chức, cá nhân liên quan đến kinh doanh thể thao		
-	Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao		
	Đối với kinh doanh huấn luyện thể dục thể thao	đồng/lần thẩm định	500.000
	Đối với kinh doanh thể dục thể thao	đồng/lần thẩm định	2.000.000
-	Thẩm định để cấp lại, bổ sung hoạt động kinh doanh thể thao	đồng/lần thẩm định	1.500.000
-	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh doanh hoạt động thể thao do mất, hỏng	đồng/lần cấp lại	200.000

II. Tỷ lệ trích để lại cho đơn vị thu phí:

Sở Văn hóa và Thể thao được trích để lại 80% tổng số phí thu được (Trường hợp thu qua Trung tâm hành chính công thì Sở Văn hóa và Thể thao được trích 76%, Trung tâm hành chính công được trích 4%).

PHỤ LỤC IV
Quy định thu Phí thư viện

(Kèm theo Quyết định số 4278/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh)

I. Mức thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức Thu
1	Đối với thư viện tỉnh		
1.1	Thẻ đọc		
-	Đối với người lớn (Từ 16 tuổi trở lên)	đồng/thẻ/năm	40.000
-	Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	đồng/thẻ/năm	20.000
1.2	Thẻ mượn		
-	Đối với người lớn (Từ 16 tuổi trở lên)	đồng/thẻ/năm	40.000
-	Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	đồng/thẻ/năm	20.000
1.3	Thẻ đọc tài liệu quý hiếm đặc biệt, đa phương tiện, thẻ phòng đọc đặc biệt		
-	Đối với người lớn (Từ 16 tuổi trở lên)	đồng/thẻ/năm	200.000
-	Đối với trẻ em (dưới 16 tuổi)	đồng/thẻ/năm	100.000
2	Đối với thư viện các huyện, thị xã, thành phố		
2.1	Phí thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu		
-	Người lớn (Bao gồm mượn về nhà và đọc tại chỗ):	đồng/thẻ/năm	20.000
-	Thiếu nhi (Bao gồm mượn về nhà và đọc tại chỗ):	đồng/thẻ/năm	10.000
2.2	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đọc đặc biệt khác		
-	Người lớn (Bao gồm mượn về nhà và đọc tại chỗ):	đồng/thẻ/năm	40.000
-	Thiếu nhi (Bao gồm mượn về nhà và đọc tại chỗ):	đồng/thẻ/năm	20.000

II. Tỷ lệ trích để lại cho đơn vị thu phí:

STT	Đơn vị thu phí	Tỷ lệ trích để lại
1	- Thư viện tỉnh	100%
2	- Thư viện các huyện, thị xã, thành phố	90%